

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Minh Châu;
- Ông Phạm Thiện Bửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Gọi tắt là Ngân hàng);

Địa chỉ: Số A, đường T, quận H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần C là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dư Minh T, chức vụ: Cán bộ phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ tại số H, đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 1021/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 10/8/2022), (Có mặt);

- Bị đơn: Lê Thị Kim S, sinh năm 1988 (Vắng mặt không lý do);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Nhật T1**, sinh năm 1979 (Vắng mặt không lý do);
Địa chỉ cư trú: **Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**
2. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1978 (Vắng mặt có đơn);
Địa chỉ cư trú: **Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Dur Minh T** trình bày: Bà **Lê Thị Kim S** có vay vốn tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Đ** theo hợp đồng cho vay hạn mức số 08.026/2023-HĐCVHM/NHCT720 đề ngày 04/04/2023; số tiền cho vay là 2.000.000.000đồng (Theo giấy nhận nợ ngày 10/10/2023); thời hạn trả nợ là 06 tháng (Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng đến hết ngày 10/04/2024, trả nợ lãi 01 tháng 01 kỳ vào ngày 25); mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán cá tra giống. Tính đến ngày 30/9/2024, bà **Lê Thị Kim S** còn nợ Ngân hàng số tiền vay còn thiếu gốc 2.000.000.000đồng, tiền lãi 145.610.058đồng, tổng cộng 2.145.610.058đồng và có thể chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà **Lê Thị Kim S** trả nợ gốc và nợ lãi nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** yêu cầu bà **Lê Thị Kim S** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền vay còn thiếu gốc 2.000.000.000đồng, tiền lãi 145.610.058đồng, tổng cộng 2.145.610.058đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 08.026/2023-HĐCVHM/NHCT720 đề ngày 04/04/2023, kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành án xong;

Yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08.026/2023-HĐCVHM/NHC ngày 04/04/2023 đã ký giữa ông **Lê Nhật T1** với Ngân hàng. Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất như sau: Diện tích 12.446m², thửa đất số 417; diện tích 11.426m², thửa đất số 463; diện tích 4.965m², thửa đất số 522; diện tích 961m², thửa đất số 1059; diện tích 1.204m², thửa đất số 1060, cùng tờ bản đồ số 5, cùng mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại **phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đầy đủ, chính xác cho bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1**, nhưng bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1** không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, đồng thời bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1** cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Văn P** trình bày: Hiện nay, anh là người trực tiếp thuê đất của bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1**;

việc thuê đất này là của cá nhân anh với bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1** sẽ tự giải quyết, đồng ý trả đất để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu gốc 2.000.000.000đồng, tiền lãi 145.610.058đồng, tổng cộng 2.145.610.058đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 08.026/2023/HĐCVHN/NHCT720 đề ngày 04/04/2023, giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Lê Thị Kim S**, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong; công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** yêu cầu bà **Lê Thị Kim S** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền vay còn thiếu gốc 2.000.000.000đồng, tiền lãi 145.610.058đồng, tổng cộng 2.145.610.058đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 08.026/2023/HĐCVHN/NHCT720 đề ngày 04/04/2023, giữa Ngân hàng với bà **Lê Thị Kim S** cho đến khi thi hành án xong; yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1** đang cư trú tại **phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1** đều được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, còn ông **Nguyễn Văn P** có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[4] Đối với việc bà **Lê Thị Kim S** và ông **Lê Nhật T1** cho ông **Nguyễn Văn P** thuê đất, xét thấy các bên đương sự không yêu cầu, không tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với quyền sử dụng đất đang cho thuê, xét thấy ông Nguyễn Văn P đồng ý trả đất để thi hành án theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P về việc trả đất để thi hành án theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với yêu cầu về tiền vay của nguyên đơn, xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng cho vay hạn mức số 08.026/2023/HĐCVHN/NHCT720 đề ngày 04/04/2023, giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Đ với bà Lê Thị Kim S đã ký kết, Ngân hàng cho bà Lê Thị Kim S vay số tiền 2.000.000.000đồng (Theo giấy nhận nợ ngày 10/10/2023); thời hạn trả nợ là 06 tháng (Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng đến hết ngày 10/04/2024, trả nợ lãi 01 tháng 01 kỳ vào ngày 25); mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán cá tra giống.

[7] Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay thì bà Lê Thị Kim S đã vi phạm nhiều lần về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; đồng thời, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bà Lê Thị Kim S, ông Lê Nhật T1 và đã ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,... nhưng bà Lê Thị Kim S và ông Lê Nhật T1 vẫn không đến Tòa án, không có ý kiến phản đối với yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[8] Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08.026/2023/HĐBĐ/NHCT720 đề ngày 04/04/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C với ông Lê Nhật T1 có công chứng và đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc, tiền lãi và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành án xong; công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[11] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11.1] Nguyên đơn là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[11.2] Bị đơn là bà **Lê Thị Kim S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đồng + 2% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 145.610.058đồng (2% x 145.610.058đồng = 2.912.201đồng), tổng cộng 74.912.201đồng, lấy tròn 74.912.000đồng.

[12] Xét về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** không phải chịu chi phí; bà **Lê Thị Kim S** phải chịu chi phí là 1.650.000đồng, nhưng do Ngân hàng đã tạm ứng và chi xong, nên bà **Lê Thị Kim S** phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.650.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà **Lê Thị Kim S** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền vay còn thiếu gốc 2.000.000.000đồng, tiền lãi 145.610.058đồng, tổng cộng 2.145.610.058đồng (Mười tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 08.026/2023/HĐCVHN/NHCT720 đề ngày 04/04/2023, giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** với bà **Lê Thị Kim S**, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong.

Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08.026/2023/HĐBĐ/NHCT720 đề ngày 04/04/2023, bên thế chấp là ông **Lê Nhật T1**, bên nhận thế chấp là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 12.446m², thửa đất số 417, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06735, cấp ngày 04/11/2020; quyền sử dụng đất diện tích 11.426m², thửa đất số 463, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06734, cấp ngày 04/11/2020; quyền sử dụng đất diện tích 4.965m², thửa đất số 522, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06733, cấp ngày 04/11/2020; quyền sử dụng đất diện tích 961m², thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06736, cấp ngày 04/11/2020; quyền sử dụng đất diện tích 1.204m², thửa đất số 1060, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06737, cấp ngày 04/11/2020 đều do ông **Lê Nhật T1** đứng tên giấy chứng nhận, có hiệu lực từ ngày 04 tháng 04 năm 2023. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực, bà **Lê Thị Kim S** không thực hiện trả số tiền 2.145.610.058 đồng (Hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn không trăm năm mươi tám đồng) và lãi phát sinh thêm (nếu có) cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**, Cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08.026/2023/HĐBĐ/NHCT720 đề ngày 04/04/2023 nêu trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Nguyễn Văn P**; ông **Nguyễn Văn P** đồng ý trả đất thuê lại cho bà **Lê Thị Kim S**, ông **Lê Nhật T1** để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** 36.224.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (**T2** bằng chuyển khoản) theo biên lai số: 000 5169 ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà **Lê Thị Kim S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.912.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà **Lê Thị Kim S** phải chịu chi phí là 1.650.000 đồng, nhưng do Ngân hàng đã tạm ứng và chi xong, nên bà **Lê Thị Kim S** phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 9 năm 2024). Đối với đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung